

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35** /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18 / 8 /2022

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vũ Xuân Dự
+ Ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ki, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn H, sinh năm 1986; ĐKKH và trú tại : xóm 9B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; ĐKKH và trú tại: xóm 9B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Vắng mặt : Anh H, chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại tỉnh Bình Thuận được khoảng hơn 1 năm thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh H ở xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình làm ăn sinh sống. Quá trình sinh sống tại xã L vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên vợ chồng nhiều lần sống ly thân sau đó được sự phân tích của gia đình và vì con cái vợ chồng đã về đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Hiện nay anh và chị T sống ly thân hai bên

không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Cẩm T1, sinh năm 22/5/2021. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Cẩm T1, sinh năm 22/5/2021 cho anh chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trần Trung H, sinh ngày 23/4/2018 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị T tự thống nhất thỏa thuận với nhau. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 01 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn với nhau năm 2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống, làm ăn tại tỉnh Bình Thuận được thời gian khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng chuyển về xóm 9B, xã L, huyện K làm ăn sinh sống cùng gia đình anh H. Quá trình làm ăn sinh sống tại xã L chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên là Trần Trung H1, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Cẩm Tú, sinh năm 22/5/2021. Khi ly hôn chị xin được chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Trung H1 và nhường quyền cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Cẩm Tú. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung : Chị và anh H tự thống nhất thỏa thuận với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án : Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Cẩm T1, sinh năm 22/5/2021 cho anh Trần Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Trung H1, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con

chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Án phí: Anh Trần Văn H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với chị Nguyễn Thị T, chị T có nơi cư trú tại: xóm 9B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn H, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị T, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận với anh H là kết hôn lần 2, còn với chị T là kết hôn lần 1. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống làm ăn tại tỉnh Bình Thuận được hơn 1 năm sau đó về chung sống làm ăn cùng với bố mẹ đẻ anh H tại xóm 9B, xã L được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống vùng miền nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, từ giữa năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án tạo điều kiện cho các bên hòa giải đã triệu tập các đương sự đến tham gia hòa giải tại Tòa án, nhưng chị T không tham gia sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và có bản tự khai, đồng thời bỏ đi khỏi nơi cư trú thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung dẫn đến việc Tòa án đã không thể tiến hành hòa giải được vụ án, các bên đương sự cũng không có biện pháp cụ thể hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã L xác định anh H và chị T có kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn khoảng hơn 1 năm thì vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh H tại xóm 9B, xã L, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không thì UBND xã không nắm được do UBND không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì về trình trạng hôn nhân của vợ chồng. Từ khoảng giữa năm 2021 đến nay anh H và chị T không chung sống cùng nhau nữa, hai người đã sống ly thân. Nay anh H xin ly hôn chị T quan điểm của UBND xã L là đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của anh H và chị T các bên có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa và cả 2 đều không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung tên là Trần Trung H1, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Cẩm T1, sinh năm 22/5/2021. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T1 ở với anh H, cháu H1 ở với chị T. Ý kiến của anh H trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh xin được chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Cẩm T1, anh nhường quyền cho chị T được chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Trung H1. Ý kiến của chị T trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị xin được nuôi con Trần Trung H1, chị nhường quyền cho anh H được chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Cẩm T1. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền thăm nom con chung. Xét về vấn đề giao con sau khi ly hôn của anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của các bên đương sự. Căn cứ vào điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nay Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Trần Cẩm T cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Trung H cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H và chị T tự thống nhất thỏa thuận với nhau. Nay ly hôn anh H, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử lý hôn giữa anh Trần Văn H với chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung:

- Giao cháu Trần Cẩm T1, sinh năm 22/5/2021 cho anh Trần Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

- Giao cháu Trần Trung H1, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

- Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung; không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004877 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã H, huyện H;
- UBND xã L;
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Phạm Thế Anh**